

Bản án số: 322/2022/DS-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H; (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Chí N, sinh năm 1949, theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 16 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Trần Thị Đ cho bà Phạm Thị L vay số tiền 320.000.000 đồng vào tháng 3/2009 có giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 vay 100.000.000 đồng và ngày 10/3/2009 vay 220.000.000 đồng, bà Phạm Thị L ký xác nhận trên cả 02 giấy mượn nợ này. Sau đó, bà Trần Thị Đ có đóng hụi cho bà Phạm Thị L với số tiền 123.840.000 đồng.

Đến tháng 07/2009, bị đơn nói không có khả năng trả nợ nữa, đợi bị đơn bán nhà sẽ thanh toán tiền vay và tiền hui cho nguyên đơn. Nguyên đơn đợi đến năm 2015 bị đơn mới bán nhà nhưng bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn. Bị đơn lấy tiền bán nhà đi mua nhà mới. Nguyên đơn tìm đến nhà bị đơn đòi thì tháng bị đơn trả được ba triệu đồng, tháng trả hai triệu đồng, tháng không trả. Gần ba năm nay, bị đơn không trả cho nguyên đơn được đồng nào. Nguyên đơn nhiều lần gọi điện thoại thì bị đơn không nghe máy. Bị đơn có nhà cao cửa rộng ở, còn nguyên đơn phải ở nhà thuê, mỗi lần ốm đau không có tiền mua thuốc chữa bệnh.

Bà Trần Thị Đ khởi kiện bà Phạm Thị L và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 320.000.000 đồng và tiền nợ hui là 123.840.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị Đ không khởi kiện đòi bà Phạm Thị L trả số tiền hui năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng nữa.

Thời hạn thanh toán: Bà Trần Thị Đ yêu cầu bà Phạm Thị L trả số tiền nợ trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Đ không đồng ý phương thức trả nợ góp của bị đơn.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Đ có mặt và xác nhận trước đây bà Phạm Thị L có trả bà một ít tiền lãi suất theo thỏa thuận riêng giữa hai bên nhưng không ghi trong giấy mượn nợ, cụ thể số tiền lãi bị đơn trả bao nhiêu bà không nhớ rõ. Bị đơn đã vay khoản tiền trên của nguyên đơn khoảng 13 năm nay, đồng tiền ngày trước có giá hơn bây giờ. Nguyên đơn không xác nhận tài liệu đại diện của bị đơn xuất trình tại phiên tòa có nội dung năm 2016 trả nợ cho bà Đào mỗi tháng ba triệu vì đây chỉ là thông tin bà Phạm Thị L tự ghi vào sổ riêng của bà, nguyên đơn không biết và không có ký xác nhận giữa hai bên. Từ thời điểm ký giấy mượn nợ năm 2009 đến nay, nguyên đơn cũng chưa nhận khoản tiền nợ gốc nào từ bị đơn trả. Nguyên đơn đã có Thông báo đòi nợ đề ngày 07/5/2022 gửi cho bị đơn. Nguyên đơn không đồng ý đề nghị của bị đơn xin trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng, nguyên đơn cũng không biết có sống được đến lúc bị đơn trả góp hết khoản nợ đó không, nguyên đơn đang cần tiền để đi khám chữa bệnh. Nguyên đơn đồng ý đề thời hạn thanh toán cho bị đơn là 05 tháng tính từ ngày xét xử hôm nay 16/9/2022.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị L xác nhận còn nợ bà Trần Thị Đ số tiền vay là 320.000.000 đồng theo các giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 vay 100.000.000 đồng và ngày 10/3/2009 vay 220.000.000 đồng. Bị đơn không xác nhận phần nợ tiền hui. Bà Trần Thị Đ rút lại yêu cầu đòi tiền hui là quyền của nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Bị đơn đề nghị trả góp cho nguyên đơn mỗi tháng là 3.000.000 đồng, bắt đầu thanh toán từ tháng 9/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt và vẫn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền là 320.000.000 đồng vào năm 2009 theo 02 giấy mượn nợ. Năm 2016, bà Phạm Thị L có trả bà Trần Thị Đ một phần nợ, mỗi tháng là ba triệu đồng, tính từ 15/3/2016 đến tháng 7/2018, tổng cộng là trả 80.000.000 đồng. Đại diện của bị đơn xuất trình tài liệu chứng minh là thông tin trả nợ do bà Phạm

Thị L tự ghi vào sổ riêng của bà để theo dõi việc trả nợ cho nguyên đơn. Nếu nguyên đơn không đồng ý trừ khoản tiền đã trả vào nợ gốc và Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả khoản nợ gốc là 320.000.000 đồng này cho nguyên đơn. Bị đơn không chối bỏ trách nhiệm, nhưng bị đơn đề nghị được trả góp cho nguyên đơn mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ gốc 320.000.000 đồng. Đại diện của bị đơn xác nhận có nhận Thông báo đòi nợ đề ngày 07/5/2022 của nguyên đơn gửi.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Trần Thị Đ và bà Phạm Thị L đều xác nhận bị đơn có vay của nguyên đơn theo như nội dung vụ án đã trình bày. Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền hui là tự nguyện. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện: Bà Phạm Thị L vay tiền của bà Trần Thị Đ có ký giấy mượn nợ, bị đơn cũng xác nhận, do đó có cơ sở xác định giữa bà Phạm Thị L và bà Trần Thị Đ có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Do bà Phạm Thị L không trả tiền vay nên bà Trần Thị Đ được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị L có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị L và bà Trần Thị Đ có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong các giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009, bà Phạm Thị L ký xác nhận trên cả 02 giấy mượn nợ này cho thấy việc thỏa thuận vay tài sản nêu trên giữa các bên là có thật và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*; theo Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định hợp đồng vay không kỳ hạn thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác

Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Đ cho bà Phạm Thị L vay số tiền tổng cộng là 320.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 vay 100.000.000 đồng và giấy mượn nợ ngày 10/3/2009 vay 220.000.000 đồng, bà Phạm Thị L ký xác nhận trên cả 02 giấy mượn nợ này. Trong bản tự khai ngày 11/8/2022 và các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện hợp pháp của bị đơn đều xác nhận bị đơn có vay và còn nợ nguyên đơn 320.000.000 đồng. Trong các giấy mượn nợ nêu trên các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể nên khoản vay trên thuộc trường hợp vay không kỳ hạn. Nguyên đơn đã có Thông báo đòi nợ đề ngày 07/5/2022 thông báo cho bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản nợ đã vay hạn chót đến ngày 17/5/2022, hết thời hạn trên, bị đơn chưa thanh toán hết các khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ khởi kiện ra Tòa án. Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn xác nhận có nhận Thông báo đòi nợ này do nguyên đơn gửi và bị đơn xuất trình thêm tài liệu ghi thông tin từ tháng 3/2016 đến tháng 7/2018, mỗi tháng trả nợ cho bà Đào ba triệu nhưng nội dung này do bà Phạm Thị L tự ghi trong sổ riêng của bà, không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn hay của các cá nhân nào khác, nguyên đơn cũng không xác nhận nội dung trong tài liệu phô tô từ sổ ghi chép riêng của bị đơn nêu trên, nên tài liệu này không có giá trị pháp lý. Do đó, có cơ sở khẳng định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên bà Trần Thị Đ khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, cần buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ là 320.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất trên số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét thời hạn thanh toán, đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị trả góp cho nguyên đơn mỗi tháng là 3.000.000 đồng, bắt đầu thanh toán từ tháng 9/2022 cho đến khi trả hết nợ. Nguyên đơn không đồng ý phương thức trả góp của bị đơn. Bà Trần Thị Đ yêu cầu bà Phạm Thị L trả số tiền nợ trên trong thời hạn 05 tháng tính từ ngày xét xử 16/9/2022, vì bà đã lớn tuổi, sức khỏe yếu. Xét thấy giao dịch vay nợ giữa hai bên diễn ra đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn trong thời hạn 05 tháng tính từ ngày xét xử 16/9/2022 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị Đ không khởi kiện đòi bà Phạm Thị L trả số tiền hội năm 2008, 2009 là 123.840.000 đồng nữa. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút”*. Nhận thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của bà Trần Thị Đ và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của bà Trần Thị Đ được chấp nhận nên bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Phạm Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

- Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ là 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, theo hai giấy mượn nợ ngày 03/3/2009 và ngày 10/3/2009.

Thời hạn thanh toán: Bà Phạm Thị L phải thanh toán cho bà Trần Thị Đ trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày xét xử 16/9/2022, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Phạm Thị L chưa thanh toán hết nợ cho bà Trần Thị Đ thì bà Trần Thị Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho bà Trần Thị Đ.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Trần Thị Đ về việc buộc bà Phạm Thị L trả số tiền hui năm 2008, 2009 là 123.840.000 (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ được chấp nhận nên bà Phạm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Phạm Thị L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ và bị đơn bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

